

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ Đ
TỈNH G L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 129/2022/QĐST-HNGĐ

Đ Đ, ngày 22 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 147/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/8/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”, giữa:

Nguyên đơn: Chị N T Đ, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Thôn H L, xã K D, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

- Bị đơn: Anh T M, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Thôn H L, xã K D, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N T Đ và anh T M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung:

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị N T Đ và anh T M có 03 con chung là T T K A, sinh ngày 01/9/2000; T Q, sinh ngày 16/01/2003; T T N Q, sinh ngày 16/12/2008. Ly hôn chị Đ và anh M thỏa thuận và cũng theo nguyện vọng của cháu T T N Q như sau:

Giao con chung T T N Q, sinh ngày 16/12/2008 cho chị N T Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Đối với con chung T T K A, sinh ngày 01/9/2000; T Q, sinh ngày 16/01/2003 đã thành niên và đã có đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về cấp dưỡng: Anh T M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung:

Chị N T Đ và anh T M không yêu cầu giải quyết.

2.3. Về án phí:

Án phí hòa giải thành về ly hôn là 150.000 đồng, chị N T Đ tự nguyện chịu toàn bộ án nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N T Đ đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009661 ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ Đ, tỉnh G L. Hoàn trả lại cho chị N T Đ số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G L;
- VKSND huyện Đ Đ;
- THADS huyện Đ Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã K D theo giấy chứng nhận kết số số 23/2001 ngày 07/11/2001;
- Lưu hồ sơ, vp.

THẨM PHÁN

N T S